

NGÀI THÂN LOAN VÀ CHÂN TÔNG TỊNH ĐỘ

(SHINRAN AND JODOSHINSHU)

Hoa dịch : Tan Peng Yau (Trần Bình Nghiêu, Singapore),

Việt dịch : Tuệ Liên

---o0o---

Nguồn

<http://www.thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 19-06-2009

Người thực hiện :

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tai Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

---o0o---

01

Vào những năm đầu Tây lịch, Phật giáo từ miền Đông bắc Ấn Độ truyền vào Trung Quốc, từ đó Phật giáo lại truyền vào bán đảo Hàn Quốc và Nhật Bản. Ở những quốc gia này, Phật giáo đại thừa được quảng đại quần chúng tin theo và thọ trì. Như các tông phái Tịnh độ khác, Chân tông Tịnh độ cũng thuộc đại thừa Phật giáo. Giáo lý căn bản của Chân tông Tịnh độ cùng tương đồng với các giáo phái đại thừa khác như Thiên tông, Mật tông Tây Tạng là những tông phái được phổ biến thịnh hành ở Tây phương.

“Chân tông Tịnh độ” có nghĩa là “tinh túy của giáo lý Tịnh độ”. Đây vốn không phải là tên của một tông phái, vì nguyên ý của Ngài Shinran (Thân Loan) không phải muốn sáng lập ra một tông phái mới. Mục đích của Ngài chỉ là muốn chỉ bày cho chúng ta nội dung quan trọng chủ yếu của nền giáo lý Tịnh độ do 7 vị cao tăng Ấn Độ, Trung Quốc và Nhật Bản truyền bá và phát triển. {Bảy vị Cao Tăng là 7 vị Tổ của Tịnh độ tông Nhật Bản : Tổ thứ nhất là Bồ tát Long Thọ (-250), Tổ thứ hai là Bồ tát Thế Thân (-400), Tổ thứ ba là Đại sư Đàm Loan (476-542), Tổ thứ tư là Đại sư Đạo Xước (562-645), Tổ thứ năm là Đại sư Thiện Đạo (613-681), Tổ thứ sáu là Hòa thượng Nguyên Tín (942-1017), Tổ thứ bảy là Thánh nhân Nguyên Không (Pháp Nhiên) (1133-1212)}

Từ những kinh điển Tịnh độ và các luận trước của 7 vị cao tăng, Shinran hình thành một hệ thống giáo lý có thể giải cứu chúng sanh, đây là khởi duyên của Chân tông Tịnh độ. Tịnh độ tông sau khi được nhà học giả Thiên học nổi tiếng D.T. Suzuki gọi Chân tông Tịnh độ là Chân tông (Shin) thì ở Tây phương thường dùng tên gọi này để nhận thức Chân tông Tịnh độ. Mặc dù Suzuki là một nhà thiên học nổi tiếng, nhưng ông đã phiên dịch 4 chương đầu tác phẩm căn bản của Shinran “Giáo hành tín chứng” (Kyogyoshinsho) ra tiếng Anh, và viết bài liên quan đến Chân tông giới thiệu đến các nhân sĩ Tây phương. Từ đây chúng ta sẽ sử dụng danh từ tắt “Chân tông” này cho “Chân tông Tịnh độ”.

---o0o---

02

Giáo lý Phật giáo Tịnh độ thường lấy Đức Phật A Di Đà làm trung tâm, Đức Phật A Di Đà thường trụ ở cõi Tịnh độ Tây phương Cực lạc (còn gọi là “An Lạc Quốc”, “An Dưỡng Quốc”). A Di Đà là âm dịch của Amita, Amita là tiếng cổ Ấn Độ (Phạn văn). A Di Đà cũng là cách viết tắt của Amitabha (Vô lượng quang) và Amitayus (Vô lượng thọ). Vì thế nhân sĩ Tây phương rất quen thuộc với 2 danh từ tiếng Phạn Amitabha và Amitayus.

Đức Phật A Di Đà rất được tôn sùng tại Nhật Bản. Người ta tôn sùng Ngài thậm chí còn hơn cả Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Là một vị Phật siêu việt thời gian không gian, Đức Phật A Di Đà cứu độ tất cả những ai có lòng tin chân thành xưng niệm danh hiệu của Ngài. Đức Phật A Di Đà dùng vô lượng hào quang nhiếp thọ và gia hộ những người có lòng tin chân thành đối với Ngài, và tiếp dẫn họ sanh về cõi Tịnh độ Cực lạc của Ngài. Hạnh nguyện cứu độ chúng sanh của Ngài được 2 vị thượng thủ Bồ tát là Quán Thế Âm và Đại Thế Chí Bồ tát phò trì. Tượng Đức Phật A Di Đà và 2 vị Bồ tát này (Tây phương Tam Thánh) vô cùng phổ biến tại Nhật Bản và các nước Á Châu thanh hành tư tưởng Tịnh độ.

Những kinh điển liên quan đến lịch sử của Đức Phật A Di Đà, công hạnh cứu độ chúng sanh và Tịnh độ gồm có 3 quyển (gọi tắt là Tịnh độ tam kinh). Nội dung của các bộ kinh này giải thích quá trình, phương pháp vãng sanh Tịnh độ và ở Tịnh độ tu hành chứng đắc Phật quả.

---o0o---

03

Trước khi giải thích nội dung của Tịnh độ tam kinh, đầu tiên chúng ta nên tìm hiểu một vài khái niệm và giáo lý căn bản của Phật giáo, đó là nhân quả và nghiệp lực. Thuyết nhân quả thông thường đều được Bà la môn giáo ở Ấn Độ chấp nhận, nhưng chỉ có kiến giải của Đức Phật mới là viên mãn. Theo lý nhân quả, tất cả sanh mệnh từ quá khứ vô thủy đến nay đều do nhân quả và nghiệp lực sai sử, sự hiện hữu của sanh mệnh cũng sẽ từ hiện tại tương tục cho đến vị lai. Do đó sanh mệnh không vì chết mà mất hẳn hoặc đình chỉ, mà sẽ chuyển sang hình thức khác trong vòng luân hồi tương tục. Sự xấu tốt của kiếp sống vị lai đều do nghiệp thiện ác ở quá khứ và hiện tại quyết định. Nói cách khác, cuộc sống hiện tại của chúng ta là kết quả của nghiệp quá khứ, những gì mà hiện nay chúng ta tạo tác sẽ ảnh hưởng đến tương lai của chúng ta. Do đây mà thấy, Phật giáo không chấp nhận chủ trương có đấng chủ tể và vạn năng sáng thế. Nhân quả của Phật giáo vì thế cũng không phải túc mệnh luận (Túc mệnh luận như người ta thường nói “tất cả do trời định”, “thiên mệnh”...). Tất cả những việc làm của chúng ta bao gồm ngôn ngữ và tư tưởng sẽ là “chủ nhân ông” tạo nên tình huống hiện tại và vị lai của chúng ta.

Hai là luân hồi, tức sự kéo dài của sanh mệnh, là sự khổ đau. Tuy chúng ta có thể chuyển sanh lên thiên giới (thiên đường và Tịnh độ là 2 khái niệm hoàn toàn khác nhau, không nên lẫn lộn 2 từ này), nhưng cảnh giới này không phải là cảnh giới vĩnh hằng trường cửu. Một khi công đức thiện nghiệp hết, chúng ta sẽ đọa vào trong các đường ác mà nhận lấy khổ đau. Phật giáo chính là dạy chúng ta làm như thế nào để giải thoát luân hồi sanh tử. Cảnh giới giải thoát này chính là thành Phật đạo, cũng tức là Niết bàn mà chúng ta thường nhắc đến.

Ba, Phật giáo không chỉ dạy người làm việc thiện lành, mà còn dạy chúng ta ý thức được sự tác tâm mới vô cùng quan trọng. Bất luận chúng ta nỗ lực như thế nào đi nữa để làm việc thiện lành, nhưng nếu vì chấp trước danh lợi, vì mong muốn được người ta khen thưởng mà làm việc thiện, thì lợi ích đạt được vô cùng ít ỏi, không thể tích lũy công đức để giúp cho chúng ta chứng thành Phật quả. Việc làm thiện chân chánh vì thế phải vượt ra ngoài sự chấp trước tự ngã danh lợi, nhưng muốn hoàn toàn đạt được cảnh giới này, cần phải tĩnh tọa tham thiền tinh tấn mới được.

Bốn, duyên khởi và lý “không” là khái niệm quan trọng của Phật giáo đại thừa. Nói đơn giản, tất cả vạn vật có sanh mệnh (chúng sanh) đều có mối liên hệ vô cùng mật thiết, không thể đơn độc tồn tại (nuơng nhân duyên sở sanh). Do đó một cái “ngã”ù không bị thời gian không gian, điều kiện và

những chúng sanh khác ảnh hưởng đến thì không thể tồn tại được. Vì thế hiểu rõ quan điểm ở trên, Bồ tát (là người tinh tấn cầu Phật đạo, phát tâm từ cứu độ chúng sanh) làm tất cả việc lành mà không chấp trước vào một vật nào cả.

Cuối cùng là cần phải nhận thức công đức có được do các thiện nghiệp phát xuất từ tâm đại từ bi có thể hiển hiện thành chư Phật và cõi Phật Tịnh độ của các Ngài. Tất cả công đức này chư Phật đều ban phát cho chúng sanh. Phạm là những người được công đức này đều có thể mau chóng đắc thành Phật đạo.

---o0o---

04

Tất cả chúng sanh đều có thể thành Phật. Đại thừa Phật giáo tin tưởng chúng sanh đều có Phật tánh. Ai tin tưởng Phật tánh của chính mình, và làm cho Phật tánh này nở phát triển, đó là một vị Bồ tát. Sự bắt đầu của Bồ tát đạo là vị hành giả lập lời thệ nguyện, đồng mãnh mong cầu trí huệ vô thượng (Bồ đề) và làm cho tất cả chúng sanh trong cảnh khổ đau đều được giải thoát. Phật giáo đại thừa tin rằng trong vũ trụ này có vô số Bồ tát đang hành hoặc đã chứng đắc Bồ tát đạo.

Căn cứ “Kinh Phật thuyết vô lượng thọ” (gọi tắt là Đại Kinh), một bộ kinh đồ sộ và vô cùng quan trọng trong Tịnh độ tam kinh, Đức Phật A Di Đà vốn là một vị quốc vương. Sau khi gặp Đức Phật, vua có ấn tượng vô cùng sâu sắc và xuất gia hành Bồ tát đạo. Lúc đó pháp danh của Ngài là “Pháp Tạng”, cũng có nghĩa là “Bảo tạng của Phật pháp”. Ngài đồng mãnh tìm cầu Phật đạo và lập lời thệ nguyện cứu độ tất cả chúng sanh. Do Bảo Tạng yêu cầu, Đức Phật Thế Tụ Tại Vương hiển thị và giải thích 210 ức cảnh giới Tịnh độ. Sau khi quan sát các cõi Phật, bèn thiên định tư duy các đặc trưng kiến lập các cõi Tịnh độ này trong thời gian 5 kiếp (kiếp là đơn vị hình dung thời gian dài không thể đo lường được). Sau 5 kiếp, Ngài đã tìm ra cõi Tịnh độ mà mình muốn thành lập và con đường giải thoát khổ đau cho chúng sanh, vì thế Ngài bèn phát 48 lời nguyện.

“Đại kinh” nói rằng Ngài Bảo Tạng đã dùng vô số sanh mạng thực hành Bồ tát đạo trong vô lượng kiếp. Chúng ta nên biết chỉ phát nguyện suông, không có nghĩa là nguyện vọng sẽ biến thành hiện thực. Để cho nguyện vọng thành tựu, người phát nguyện cần phải làm các việc thiện lành và tu chứng đắc trí huệ vô thượng. Khi trí huệ đạt đến đỉnh cao, công đức và lòng từ phát triển

đến mức hoàn thiện hoàn mỹ, Ngài Bảo Tạng thành Phật, hiệu là A Di Đà. Công đức vô thượng vô biên của Ngài là y theo lời nguyện trước đã phát thệ mà hiển thị thành thân Phật quang minh vô lượng và cõi Tịnh độ trang nghiêm. Trong 48 lời nguyện, lời nguyện 18 đối với Phật giáo đồ Tịnh độ vô cùng quan trọng, vì có thể khiến cho người có lòng tin chân thành xưng niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà được giải thoát. Bốn nguyện này là chiếc cầu kiến lập giữa chúng sanh và Đức Phật A Di Đà. Người có lòng tin xưng niệm danh hiệu Đức Phật mà lãnh thọ công đức của Đức Phật, có được công đức này, người này có thể vãng sanh Tịnh độ.

Chư Phật cùng với hạnh nguyện cảm hóa chúng sanh, không phải quan niệm và tư duy của phàm phu chúng ta có thể đo lường được. Bộ kinh thứ 2 trong Tịnh độ tam kinh là “Kinh Phật thuyết Quán vô lượng thọ” (gọi tắt là Quán Kinh). Bộ kinh này giới thiệu phương pháp dùng pháp nhãn của tự thân quán tưởng Đức Phật A Di Đà và cảnh giới Tịnh độ. Nói đơn giản, tất cả có 13 phép quán tưởng. Đầu tiên, hành giả hướng về Tây, tập trung vào ánh mặt trời sắp lặn và ghi nhớ hình tượng này vào trong ý thức, bất luận mở mắt hay nhắm mắt không để cho hình tượng này tiêu mất. Sau khi cảnh giới này thành tựu, hành giả quán tưởng đến nước, đầu tiên quán tưởng khắp cõi Tây phương tràn ngập nước. Nước này đông lại và biến thành lưu ly. Do vì cảnh Tịnh độ do lưu ly tạo thành nên sau khi quán thành cảnh giới lưu ly, thì có thể tiếp theo quán tưởng các đặc trưng khác của Tịnh độ cùng với thân Phật A Di Đà. “Quán Kinh” nói, phàm những người thành công quán tưởng A Di Đà và cõi Tịnh độ Cực lạc, ác nghiệp sẽ được tiêu trừ và sau khi mạng chung nhất định sẽ được vãng sanh vào cõi Cực lạc.

---o0o---

05

Trong lịch sử Phật giáo Tịnh độ ở Ấn Độ, Trung Quốc và Nhật Bản, niệm Phật là công hạnh quan trọng cầu vãng sanh Tịnh độ, chính là miệng niệm “Nam mô A Di Đà Phật”. Câu này có nghĩa là “quy mạng A Di Đà Phật” hoặc “kính lễ A Di Đà Phật”. Quán kinh giới thiệu 13 phép quán tưởng xong bèn chia sự tu trì, thiện hạnh, công đức và ác nghiệp đã tạo của người phát nguyện cầu sanh Tịnh độ làm 9 phẩm. Đối với những người hạ phẩm tạo các ác nghiệp, Đức Phật Thích Ca dạy họ miệng niệm danh hiệu Phật có thể tiêu trừ ác nghiệp của tự thân. Theo lý nhân quả, những người này nhất định sẽ đọa vào địa ngục thọ khổ, nhưng nương nhờ công đức niệm Phật, các tội của họ được tiêu trừ và khiến cho họ được vãng sanh Tịnh độ.

Kinh ngắn nhất trong Tịnh độ tam kinh là “Phật thuyết A Di Đà kinh” (gọi tắt là “Tiểu kinh “ hoặc “A Di Đà kinh”), cũng là bộ kinh chuyên dạy chúng sanh niệm Phật. Tiểu kinh giải thích chỉ cần từ một đến 7 ngày nhất tâm xưng niệm danh hiệu Phật, thì chúng sanh có thể vãng sanh Tịnh độ. Nhưng điều quan trọng vẫn là lời nguyện thứ 18 của Đức Phật, cũng chính là công hạnh do lòng tin niệm Phật khiến cho chúng sanh được vãng sanh Tịnh độ, ly khổ đắc lạc.

So sánh với pháp môn quán tưởng, pháp môn niệm Phật là phương pháp dễ hành trì nhất, không bị bất cứ người nào, hoặc thời gian, địa điểm hạn chế. Phương pháp niệm Phật tuy dễ hành, nhưng không có nghĩa là công đức và công hiệu niệm Phật sẽ nhỏ đi. Tất cả Tổ sư Tịnh độ xưa kia, từ Bồ tát Long Thọ ở Ấn Độ là người đầu tiên khởi xướng pháp môn niệm Phật, cho đến Đại sư Thiện Đạo ở Trung Quốc và Thượng nhân Pháp Nhiên Nhật Bản đều dị khẩu đồng thanh nhấn mạnh phương pháp niệm Phật này. Ngài Thiện Đạo (613-681) đời Đường - Trung Quốc là một trong những người tiên phong chính lý và phát dương giáo lý Tịnh độ. Sau khi thành tựu pháp môn quán tưởng Ngài bèn trước tác bộ luận “Quán kinh tứ thiếp số” giải thích “Quán kinh”, cùng với các trước tác giải thích phương pháp tu trì và nguồn gốc của pháp môn quán tưởng. Tuy như thế, hệ thống tu trì của Ngài vẫn lấy phương pháp niệm Phật làm công hạnh tu trì chủ yếu. Các công hạnh khác, bao gồm phép quán tưởng Phật A Di Đà, chỉ khởi tác dụng phụ giúp thêm. Sư phụ của Ngài Thiện Đạo là Ngài Đạo Xước (562-645) mỗi ngày niệm danh hiệu Phật 70 ngàn biến, Ngài Thiện Đạo cũng tinh cần niệm danh hiệu Phật. Pháp môn niệm Phật của Ngài truyền bá khắp mọi nơi và sau đó truyền đến Nhật Bản. Thượng nhân Honen (Pháp Nhiên 1133-1212) đã kế thừa pháp môn niệm Phật của Ngài Thiện Đạo. Thượng nhân Honen thành lập Tịnh độ tông Nhật Bản trên nền tảng giáo lý chuyên tâm xưng niệm danh hiệu Phật có thể vãng sanh Tịnh độ. Đệ tử của Ngài ngoài những lúc theo Ngài niệm Phật, còn viết những tác phẩm xiển minh và làm sáng tỏ lời dạy của Ngài

Trước khi Ngài Honen thành lập Tịnh độ, pháp môn niệm Phật đã phổ biến lưu hành trong giới dân gian và quý tộc, đây này là công của Đại sư Genshin (Nguyên Tín 942-1017) và các bậc Thánh khác của Tịnh độ tông như Thượng Nhân Koya (Không Dã 903-972). Ngài Genshin nổi tiếng bởi tác phẩm “Vãng sanh yếu tập” của Ngài. Trong tác phẩm này, Ngài diễn tả chi tiết cảnh giới khổ đau trong cõi ác và sự an vui ở cõi Tịnh độ Cực lạc, để khích lệ đại chúng nguyện sanh Tịnh độ. Đồng thời Ngài còn thành lập Hội niệm Phật vào một ngày trong tháng cùng nhau niệm Phật tu hành. Đương

thời có một quý tộc tên là Fujiwara Michinaga (Đặng Nguyên Đạo Trường 966-1027), khi lâm chung tay ông nắm một sợi dây ngũ sắc mà đầu kia cột vào tay của Đức Phật A Di Đà. Theo “Quán kinh” và “Vãng sanh yếu tập”, phàm người lâm chung nếu có thể niệm Phật và tưởng nhớ Đức Phật A Di Đà thì sẽ được Đức Phật và chư Thánh tiếp dẫn lên cõi Tây phương Tịnh độ. Sợi dây ngũ sắc được cho rằng có công năng được Đức Phật thân lâm tiếp dẫn.

---o0o---

06

Khi chúng ta nhắc đến danh từ Phật giáo Tịnh độ, chúng ta không những chỉ nhắc đến Tịnh độ tông ở Nhật Bản, mà ở Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc, Việt Nam các nước Á Châu cùng với các khu Á kiều tụ tập ở Âu châu, Mỹ châu đều tồn tại các loại hình tông phái Tịnh độ. Các đạo trường và tự viện của các tông phái Tịnh độ này đều do Tăng sĩ hoặc Giảng sư ở địa phương đó trụ trì.

Ở Nhật Bản, Tịnh độ tông và Chân tông Tịnh độ đã trở thành tông phái Phật giáo được quần chúng hoan nghênh nhất. Theo con số điều tra của chính phủ năm 1987, các tự viện của Phật giáo Tịnh độ tổng cộng có 30368 ngôi, tín đồ của Tịnh độ có 20446912 người. Con số này khoảng 1 phần 4 tổng số Phật giáo đồ Nhật Bản. Thiên tông chỉ có 9481011 tín đồ. Chúng ta tuy không có cách nào biết được con số thực tế tín đồ và tự viện của các tông phái trên, nhưng từ những con số thống kê này chúng ta có thể biết được tư tưởng Tịnh độ ảnh hưởng sâu xa đối với Nhật Bản.

Nếu bạn có cơ hội đến Tokyo (Đông Kinh) - Nhật Bản du lịch, trên con đường từ Tokyo đến Kyoto (Kinh Đô) không nên bỏ qua Kamakura (Liên Thương). Kamakura nổi tiếng là trung tâm chính trị hơn 140 năm của chính phủ Tướng quân xưa kia. Phong cảnh nổi tiếng nhất của vùng này là tượng Đức Phật A Di Đà ngồi, cao 15 mét, hai tay kiết ấn Di Đà, được thành lập vào năm 1250, đôi mắt từ bi của Ngài đã nhìn suốt sự thay đổi biến thiên của thế gian. Đối với các du khách từ các miền trên thế giới, Ngài dường như nói “Hoan nghênh đến Nhật Bản là cõi Tịnh độ của Đức Phật A Di Đà.

Khi bạn xuống xe từ trạm Kyoto và đi lên phía bắc một đoạn đường, bạn sẽ thấy một ngôi chùa Phật trang nghiêm. Ngôi chùa này là Tổ đình của phái Đại Cốc, một trong 2 tông phái lớn của Chân tông Tịnh độ, người ta thường gọi ngôi chùa này là chùa Đông Bản Nguyệt. Nếu bạn tiếp tục đi về phía tây

khoảng 10 phút, bạn sẽ nhìn thấy một ngôi chùa lớn như chùa Đông Bản Nguyễn, đây là chùa Tây Bản Nguyễn, theo số thống kê được điều tra năm 1990, các tự viện thuộc chùa Tây Bản Nguyễn gồm có 10369 ngôi, Tăng chúng giảng sư gồm có 27238 vị. Ngoài ra các miền trên toàn quốc có 9 Trường đại học và đại học ngắn hạn, bao gồm đại học Ryukoku, nơi tôi đang dạy học đều trực thuộc chùa Tây Bản Nguyễn. Các trường cao đẳng và trung đẳng thuộc chùa Tây Bản Nguyễn gồm có 35 trường. Ngoài ra chùa Tây Bản Nguyễn ở nước Mỹ có 97 ngôi chùa, Nam Mỹ có 59 ngôi và Gia Nã Đại có 18 ngôi chùa, ở Âu châu có 3 ngôi và 1 số đạo trường niệm Phật.

---o0o---

07

Tổ sư của Chân tông Tịnh độ là Ngài Shinran, sanh năm 1173 tại Kyoto - Nhật Bản, vì cha mẹ mất sớm, nên 9 tuổi xuất gia. Vào thời đại của Ngài xã hội động loạn không an, dân chúng không đường sinh sống. Lúc đó 2 bộ tộc Minamoto and Taira vì tranh chấp quyền lợi mà gây ra nội chiến, cuối cùng bộ tộc Taira thắng trận, và năm 1192 tại Kamakura, Minamoto Yoritomo xây dựng chính phủ tướng quân

Shinran sau đó đến núi Hiei (Tỷ Duệ) Thiên Thai tông tu học. Ngài ở nơi đây 20 năm chuyên cần tu học giáo lý Thiên Thai, nhưng cuối cùng phát hiện mình vẫn không có cách nào khai ngộ và tiêu trừ phiền não trong tâm. Vì thế Ngài bèn xuống núi đến Kyoto đi tìm con đường giải thoát thích hợp cho mình. Lúc đó Thượng nhân Honen lớn hơn Shinran 40 tuổi đang tuyên dương pháp môn niệm Phật cho các tầng lớp nam nữ trong xã hội. Shinran bèn xin làm môn hạ của Ngài và phát hiện pháp môn niệm Phật có thể khiến cho chúng sanh được giải thoát.

Môn phái cũ của Ngài vì lòng tật đố nên dâng sớ lên triều đình yêu cầu cấm chỉ giáo pháp niệm Phật của Honen, Honen cùng với đại đệ tử bị bức hại. Shinran năm 1207 cũng vì đó mà bị đày lên miền bắc Nhật Bản, và sau đó kết hôn lập gia đình tại đây. Sau khi được xá tội, Ngài đi đến tỉnh Hitachi ở phía bắc Nhật Bản, một mặt tuyên dương pháp môn niệm Phật cho dân chúng tại địa phương này, một mặt viết bộ luận đồ sộ của Chân tông “Giáo hành tín chứng”. 60 tuổi Shinran trở lại Kyoto, cho đến năm 90 tuổi qua đời, trong thời gian này tất cả tinh lực của Shinran đều dồn vào trong các trước tác của Chân tông.

Shinran sống cuộc đời như những người bình thường khác. Ngài có vợ là Eshin Ni (Huệ Tín Ni, là một thiếu nữ thuộc dòng dõi quý tộc tại Nhật Bản) và sanh hạ 1 nam 5 nữ (1 thuyết khác 2 nam 5 nữ). Theo giới luật Phật giáo, Tăng sĩ xuất gia không được kết hôn sanh con. Do đó việc tu học Phật đạo và lập gia đình được xem như trái ngược nhau. Khi Shinran bị đày, tăng tịch của Ngài đã bị hủy bỏ mà còn bị ghép vào tội đặng tịnh thiện tín (Theo pháp luật đương thời, tăng sĩ không bị pháp luật quản chế, vì thế nếu muốn cáo tội một tăng sĩ thì đầu tiên phải hủy bỏ tăng tịch của người đó, và ghép vào 1 tội danh.). Với tình thế như vậy, Ngài ý thức rằng mình không phải là tăng cũng không phải là tục. Vì thế Ngài kết hôn với 1 cô gái thích hợp là một việc rất tự nhiên. Với hành động kết hôn này, Shinran muốn chứng tỏ nam nữ bình thường cũng là đối tượng cứu độ của Đức Phật A Di Đà.

---o0o---

08

Sau thời Honen, trong các tông phái Tịnh độ hưng khởi ở Nhật Bản, tông phái phát triển lớn mạnh nhất là Chân tông Tịnh độ, về mặt giáo nghĩa, Chân tông không câu thúc vào hình thức khiến nó được đại chúng tiếp thu. Shinran vốn không có ý định sáng lập tông phái mới, trong tác phẩm “Giáo hành tín chứng” cùng với các tác phẩm khác của mình, Ngài thuyết minh rằng mình chỉ muốn y theo lời dạy của Đức Phật Thích Ca và 7 vị cao tăng, xiển dương phần tinh túy chân chánh quan trọng của các Ngài mà thôi. Kiên giải của Shinran đối với giáo lý Tịnh độ dường như căn cứ theo phán đoán của Ngài mà hình thành. Nhưng những kiến thức thâm lượm được từ kinh nghiệm cuộc sống và cảm xúc cá nhân của Ngài, trên thực tế đã làm sáng tỏ nên giáo lý mà các bậc cao tăng Nhật Bản xưa kia đã truyền trao.

Trong việc phát triển bất cứ một nền tôn giáo hoặc triết học nào, việc canh tân lại giáo lý là quá trình không thể thiếu được. Để cho giáo lý và sự tu trì được bảo đảm tính chất sống, giáo lý và sự tu trì đó cần phải do sự thể nghiệm của tự thân mà đưa ra quan điểm mới để nghiên cứu và xiển dương lại. Việc nghiên cứu lại giáo lý như trên mặt đất khai thác một nguồn năng lượng mới. “Pháp” do Đức Phật tìm ra cách đây hơn 2500 năm về trước như mặt đất. Ban đầu Ngài truyền trao cho chúng sanh phương pháp nguyên thủy trong việc khai thác và chế luyện để lấy được năng lượng. Phạm ngữ “dharma”, tôi phiên dịch là “pháp”, từ này ở Ấn Độ cổ xưa đã sử dụng rất phổ biến. Chân lý mà Đức Phật tìm ra cùng với phương pháp tu học để đạt được chân lý cũng sử dụng chữ “pháp” này, nhưng Ngài sử dụng chữ “pháp”

khác với Bà la môn giáo Ấn Độ. Ngài đã sử dụng chữ pháp với hàm nghĩa và quan điểm mới, hàm nghĩa này vài thế kỷ sau đó, sau khi đại thừa Phật giáo tại Ấn Độ hưng khởi mới hoàn toàn được hiển lộ. Theo quan điểm của đại thừa, Phật pháp do lịch sử, địa lý và xã hội thay đổi mà dùng trí huệ tham thấu và quan sát để đổi mới theo.

Ở đây tôi muốn nhấn mạnh, quá trình nghiên cứu và đưa ra kiến giải mới, tinh tủa tham thiền là một yếu tố vô cùng quan trọng. Chỉ nương vào lý luận trống rỗng của phàm phu có thể nói là hư huyền không thật tế. Từ khi lịch sử Phật giáo bắt đầu, tư tưởng siêu thế giới quan của Phật giáo... đều đạt được từ trong thiền định, điều này Phật giáo Tịnh độ tương đồng với Phật giáo đại thừa. Theo “Quán kinh”, nếu chúng ta có thể thành công y theo phương pháp trong kinh đề tu trì, chúng ta có thể quán tưởng A Di Đà Phật và cõi Cực lạc thế giới. Mỗi khi mê mờ phiền não, chúng ta có thể dùng phương pháp tinh tủa tham thiền để đối trị. Nhưng trên thực tế tinh tủa tham thiền không phải mỗi lần đều dễ dàng có hiệu quả. Hôm nay đã cách Phật quá xa, các đạo sư tu thiền càng ngày càng ít. Dù cho bạn tìm được một vị thầy, muốn lâu dài kiên trì tu tập theo pháp tu của vị này cũng rất khó khăn. Phương thức tinh tủa của pháp môn quán tưởng Tịnh độ dễ dàng tu tập hơn so với phương pháp thiền định tu trì của thiên tông. Đó là vì hành giả có đối tượng chú tâm vào (Đức Phật và Tịnh độ) cùng với sự gia trì của thần lực Đức Phật A Di Đà.

Honen tu trì giáo pháp Thiên Thai tông nhiều năm ở núi Hiei mà bản thân vẫn không chứng ngộ. Shinran cũng giống như thế, cũng ở núi này tu tập 20 năm mà cuối cùng phát hiện mình không có cách nào thành tựu. Sau khi Honen đọc bộ luận của Ngài Thiên Đạo mà hoá nhiên đại ngộ, vì thế Ngài bỏ đi các phương pháp tu trì khác, nhất tâm tín nguyện niệm Phật. Điều quan trọng của việc Honen chuyển lòng tin niệm Phật là ở sự thực Ngài phát hiện tự thân không thể làm cho mình giải thoát. Honen phát hiện ở sau danh hiệu Phật là thần lực vô lượng của Đức Phật A Di Đà. Do phát hiện này, Honen đã đứng ở một góc độ mới xiển dương giải thích Phật pháp và đặt pháp môn niệm Phật trên các pháp môn khác.

---o0o---

09

Các nhà học giả phương Tây thường so sánh Shinran với Martin Luther (Mã Đình Lộ Đức 1483-1546), vì những sự đổi mới Phật giáo của

Shinran có nhiều điểm tương đồng với kháng nghị của Martin Luther đối với Thiên chúa giáo. Nhưng Shinran không công khai kháng nghị với các vị lãnh đạo Phật giáo và cũng không có ý định sáng lập tông phái mới. Điều mà Shinran quan tâm cũng giống như Honen và 7 vị cao tăng là nương vào Tịnh độ để được giải thoát. Điều này xem ra dường như có chút tư tưởng riêng tư yếm thế, nhưng tâm hướng về Tịnh độ và bản thân của Ngài hoàn toàn không có riêng tư và cũng không bi quan yếm thế. Vì sau khi Shinran lãnh thọ được sức từ bi của Đức Phật A Di Đà, Ngài phát hiện bản thân và tất cả chúng sanh kỳ thực như nước hòa với sữa không thể phân cách. Vì thế, sau khi Shinran siêu thế gian, tức vãng sanh Tây phương, sẽ y theo bốn nguyện của mình trở về thế gian này cứu độ chúng sanh.

Shinran đã hiểu rõ sức cứu độ của Đức Phật cùng với sự tư duy sâu sắc của mình đã thay đổi tư tưởng Phật giáo và những lý giải thông thường. Trong bộ sách quan trọng của Chân tông “Thán dị sao”, Shinran có câu danh ngôn như sau :

“Ngay cả người thiện cũng đều được vãng sanh Tịnh độ, huống chi kẻ ác. Đối với việc này, người đời thường nói : ngay cả kẻ ác còn được vãng sanh Tịnh độ, huống chi người thiện. Câu này dường như có lý, nhưng trên thực tế đã sai ngược với bốn nguyện giáo lý tha lực vãng sanh”. (Chương thứ 3)

Y theo lời dạy của Đức Phật, nếu chúng ta có thể thông qua tham thiền tu tập trí huệ và rộng tu các hạnh lành, thì đường tu tập của chúng ta càng thăng hoa. Nếu chúng ta không có cách nào làm các việc lành, chúng ta nhất định sẽ đọa vào trong các đường ác nhận chịu khổ đau để tiêu mòn ác nghiệp đã làm. Tuy Shinran có năng lực làm việc thiện, nhưng khi Ngài dùng huệ nhãn phát giác ác nghiệp lớn nhất trong nội tâm, và ý thức tất cả sở hành của mình không thể tách rời ác nghiệp thao túng. Đây có nghĩa là Shinran ý thức bản thân mình không có may mắn thiện nghiệp và phước đức, càng không thể nói đến việc khiến cho bản thân mình giải thoát.

Một câu danh ngôn khác của Shinran trong “Thán Dị sao” :

“Tôi đã không biết tu bất cứ công hạnh gì, và như thế tương lai chắc chắn sẽ đọa địa ngục”.

Shinran không phải lâm vào cảnh sơn cùng thủy tận, cũng không phải cảm thấy mình bị sức cứu độ của Đức Phật gạt bỏ bên ngoài. Sự chứng ngộ của Ngài đối với sự vô lực tự cứu của bản thân, chính là chứng minh bản thân mình đã được Đức Phật A Di Đà nhiếp thọ và cứu độ. Vì thế thông qua lòng

tin chân thành đối với Đức Phật, Shinran có thể lãnh thọ công đức, trí huệ và sức mạnh vô lượng của Đức Phật, và hoàn toàn đặt căn bản của phạm phu tự ngã chấp trước vào trong lòng của Đức Phật A Di Đà.

Kiến giải đối với Phật giáo của Shinran phát xuất từ kinh nghiệm tín thọ và lãnh thọ Phật lực (tha lực). Ngài chia Phật giáo thành hai hệ thống, là tự lực giáo và tha lực giáo. Chân tông thì hoàn toàn là tha lực giáo, các tông phái Phật giáo khác thuộc về tự lực giáo. Shinran thậm chí không khuyến khích niệm Phật. Đối với Thiên Đạo và Honen, tín đồ Tịnh độ toàn tâm toàn lực xưng niệm danh hiệu Phật, còn đối với Shinran, việc cần thiết là chỉ chân thành lãnh thọ sức cứu độ vô điều kiện của Đức Phật dành cho chúng sanh.

---o0o---

10

Chân tông từ xưa đến nay xuất hiện nhiều nhân vật được gọi là “người Tuyệt vời”. Những người tuyệt vời này là những người nam nữ bình thường, phần đông tuy không biết chữ nhiều nhưng sâu sắc hiểu rõ tha lực giáo.

Họ hoàn toàn không phải chỉ là những người niệm Phật đơn giản kiên thành. Những người này đã phát hiện tha lực và bản thân mình cùng với Đức Phật hòa hợp thành một thể, hoàn toàn lãnh thọ lòng từ bi của Đức Phật đối với chúng sanh. Tuy những người tuyệt vời này hiểu rõ bản thân không thể do tự lực giải thoát, nhưng họ lại thường ôm lòng tri ân vô hạn đối với ân đức sâu dày của Đức Phật, và cuộc sống hàng ngày của họ tràn ngập pháp hỷ mang tánh tự phát và tình thương vô ngã đối với thế gian.

Asahara Saichi (Thiền Nguyên Tài Thị 1851 - 1933) khi còn thiếu niên đã hướng về Phật giáo. Sau 5 hay 6 năm, ông ta đã nghe rất nhiều buổi thuyết giảng về Phật pháp, nhưng sau khi suy nghĩ sâu sắc về khả năng giải thoát của bản thân, ông quyết định từ bỏ Phật giáo. 10 năm sau, sự khát vọng của ông đối với Phật giáo lại lần nữa xuất hiện, lúc đó ông đang làm thợ mộc trong ngành đóng thuyền. Saichi sau những giờ làm việc rảnh rỗi, không bao giờ bỏ qua bất cứ cơ hội nghe thuyết pháp. Để hoàn toàn hiểu rõ tha lực giáo, ông đã nỗ lực tìm kiếm và đến năm 50 tuổi, lòng tin đã thức tỉnh trong ông. Ông đã đổi nghề làm người thợ giày.

Sự hoan hỷ của Saichi đối với Đức Phật lúc nào cũng từ trong tâm tuôn chảy ra. Ông đã dùng thi ca để biểu đạt pháp hỷ của mình. Saichi tuy không biết tiếng Hoa, nhưng ông dùng tiếng Nhật viết những bài thơ trên những miếng

gỗ bỏ và ban đêm viết vào vở. Trong rất nhiều bài thơ của ông, dưới đây dẫn chứng vài bài để cho chúng ta hiểu rõ cảm xúc của ông đối với lòng tin.

Nam mô A Di Đà Phật và Nam mô A Di Đà Phật,
Là một chứ không phải là hai.
Nam mô A Di Đà Phật là chính ta,
Và A Di Đà Phật là cha mẹ tôi.
Đó chính là nhất thể hóa mà Đức Phật A Di Đà thể hiện,
Đối với sự đỗi ngộ này, tôi vô cùng hạnh phúc,
Nam mô A Di Đà Phật.

A ! Saichi, Tịnh độ Cực lạc của bạn ở đâu ?
Tịnh độ của tôi chính là ở đây.

Thanh âm của bạn chính là Nam mô A Di Đà Phật,
Tôi vô cùng cảm kích,
Tôi, Saichi đã được danh hiệu của Ngài cứu độ
Bạn và tôi là một thể với Nam mô A Di Đà Phật

Danh hiệu Phật trong miệng tôi lúc nào cũng có thể tìm được,
Đây quả thật là một vị Phật tuyệt vời
Đây là cha mẹ tôi A Di Đà kêu gọi tôi
Tôi, Saichi đã được trói buộc vào trong đó.

Lòng tin này thật là lòng tin kỳ diệu
Phật đã nghe được âm thanh của Phật
Ở đây không có chỗ cho Saichi tôi nhúng tay vào
Tôi vô vàn cảm kích ân huệ Đức Phật đối với tôi
Nam mô A Di Đà Phật, Nam mô A Di Đà Phật.

Đối với Saichi và những người có lòng tin chân thành, niệm Phật và lòng tin đã hòa nhập thành một thể. Niệm Phật không phải nỗ lực tu trì, mà là pháp hỷ tự nhiên tuôn trào từ lòng tin chân thành. Vì thế, Nam mô A Di Đà Phật có nghĩa là cảnh giới Đức Phật A Di Đà và tín giả hòa nhập thành một thể, vì “Nam mô” là lòng tin của tín đồ, mà “A Di Đà Phật” là sức cứu độ tuyệt đối vô ngại của Đức Phật.

Ashikaga Genza (Nguyên Tả 1842-1930) là một vị tuyệt vời khác. Lòng từ bi vô lượng của Đức Phật cũng là từ trong tâm ông hiện thị tình thương bao la không một chút riêng tư. Một ngày kia, ông ta nhìn thấy các cây hồng trong vườn buộc đầy các cành gai. Ông hỏi :

- Ai làm gì đây ?

Con ông trả lời :

- Con thấy mấy đứa con nít thường hái trộm hồng nên làm như thế để ngăn chặn nó.

Genza nói :

- Nếu có người vì đó mà bị thương thì làm sao đây ?

Ông bèn dẹp đi các nhánh cây gai, và để một cây thang gần cây hồng. Con ông bèn hỏi :

- Làm như thế, không phải để cho người ta dễ trộm hồng của mình sao ?

Genza trả lời :

- Để cho họ lấy đi những trái hồng mà họ muốn ăn, dù sao chúng ta cũng còn đủ hồng để ăn mà.

Một lần khác có một chàng thanh niên vào trong vườn của ông lấy một ít đậu cho ngựa ăn. Genza thấy vậy bèn kêu rằng :

- Chàng thanh niên kia ! Đậu ở đó không ngon, hãy đi vào trong sẽ tìm được đậu ngon cho ngựa !

Nghe lời này, cậu thanh niên lập tức trèo lên ngựa chạy mất.

Shoma (Trang Tùng 1799-1871) là một người dân nghèo không biết chữ. Tuy kiếm sống bằng nghề đan dép, bện thùng, làm thuê làm mướn, nhưng ông có kiến giải sâu sắc đối với lòng từ bi của Đức Phật A Di Đà. Có người hỏi ông :

- Đặt lòng tin tuyệt đối vào Đức Phật, có ích lợi gì ?

Nghe câu hỏi này Shoma bèn thành thoi nằm trước bàn Phật thờ trong nhà.

Khi ông cùng với người bạn đi đến chùa, ông nằm nghiêng trong chánh điện. Người bạn trách ông :

- Bạn quá vô lễ, trang nghiêm lên một chút !

Shoma trả lời :

- Đây là nhà của cha mẹ tôi, không cần phải khách sáo, chẳng lẽ bạn là chàng rể sao ?

Lần khác ông cùng với bạn bè ngồi thuyền đi Kyoto lễ bái chùa Bồn Nguyệt. Trên đường trở về, thuyền gặp phải sóng to gió lớn. Lúc đó tất cả hành khách đều sợ xanh mặt, chỉ có một mình Shoma vẫn nằm ngủ ngon lành như không có chuyện gì xảy ra. Lúc bạn kêu dậy, ông hỏi :

- Chúng ta vẫn chưa đến Tịnh độ sao ?

Người tuyệt vời như thế, đã cho thấy những tín đồ Chân tông đạt được lòng tin chân thành tuyệt đối vào tha lực thì cũng không khác gì những người tu thiền ngộ đạo. Tất cả các việc làm của họ không những không bị bất cứ thứ gì ràng buộc, mà đồng thời còn sung mãn tình thương đối với chúng sanh và sự giác ngộ triệt để đối với vạn sự vạn vật. Những người này thậm chí sẽ siêu việt thiện và ác, thế gian và Tịnh độ. Người tuyệt vời đối với mọi người chung quanh không cống cao cũng không ngạo mạn, ngược lại sẽ dùng tâm thông cảm hoan hỷ để giúp đỡ mọi người cùng đi trên con đường Tịnh độ như mình.

---o0o---

11

Từ những ví dụ ở trên, Chân tông bao gồm nhiều tầng lớp người thế gian và xuất thế gian. Tóm lại, trước bất cứ việc gì, tín đồ Chân tông nương theo sức bôn nguyện của Đức Phật mà được giải thoát. Từ “giải thoát” theo Chân tông có 3 tầng bậc. Thứ nhất, những người phàm phu như chúng ta có thể cùng với Đức Phật A Di Đà là bậc đã siêu vượt thế gian dung hợp thành một thể, khiến cho tự thân thoát ly lục đạo luân hồi, vì chúng ta lãnh thọ lòng tin từ nơi Đức Phật, cho nên chúng ta luôn luôn tưởng niệm đến ân sâu vô lượng của Đức Phật đối với chúng ta. Thứ hai, sau khi chúng ta qua đời, nhất định sẽ vĩnh viễn giải thoát cõi ta bà, lục đạo này, và vãng sanh cõi Tây phương Cực lạc. Vãng sanh Tịnh độ, trên cơ bản không khác gì Niết bàn thành Phật đạo. Tịnh độ là đại bảo tàng công đức vô lượng, vì thế người được sanh vào cõi Tịnh độ không những thọ nhận pháp hỷ vô tận, mà còn có thể dùng thân Bồ tát rộng độ tất cả chúng sanh, cuối cùng, chúng ta sẽ chứng đắc Phật đạo Vô thượng.

Ba tầng bậc này có thể phân chia theo thời gian từ quá khứ đến vị lai. Nhưng quan trọng nhất là cần phải hiểu rõ việc thành Phật không phải vị lai hoặc quá khứ, mà là chứng nghiệm chân lý ngay trong “hiện tại”. Saichi trong một bài thơ viết rằng :

Ôi ! Saichi, ai là Phật ?

Ngài không phải là ai khác mà chính là tôi,

Ai là người sáng lập ra Chân tông Tịnh độ ?

Ngài không phải là ai khác mà chính là tôi.

Gì là kinh điển và luận trước ?

Đó cũng không phải là ai khác mà chính là tôi.

Đối với Shinran, lòng tin không những là “món quà miễn phí” của Đức Phật A Di Đà ban cho mọi người, cũng chính là tự thân của Đức Phật A Di Đà. Shinran trong một bài tán viết rằng :

Người hoan hỷ tín tâm vô ngại, là Phật pháp,

Phật pháp cũng là đức Như Lai,

Đại tín tâm tức là Phật tánh,

Phật tánh tức là Như Lai. (Bài tán 94)

Đây có nghĩa là lòng tin bao gồm tất cả. Sau khi chúng ta lãnh thọ lòng tin, việc chúng ta thành Phật đã được khẳng định. Đây không chỉ là quan điểm mới của giáo lý Tịnh độ mà Shinran viết trên giấy tờ mà thôi, thông qua lòng tin, Shinran và Đức Phật A Di Đà đã dung hợp thành một thể. Các giáo đồ Chân tông khác cũng giống như Shinran vậy. Nên nói, lòng tin là tâm hoan hỷ vui mừng, vì lòng tin chính là hoan hỷ tiếp nhận, lãnh thọ sức cứu độ của Đức Phật A Di Đà. Đức Phật A Di Đà dùng hình thức “Nam mô A Di Đà Phật” để gần gũi thân cận chúng ta. Một khi chúng ta lãnh thọ 6 chữ danh hiệu này, 6 chữ sẽ biến thành lòng tin. Nói cách khác, 6 chữ Thánh hiệu là tất cả công đức của Đức Phật A Di Đà , lòng tin cũng chính là Đức Phật A Di Đà.

Nguyên tác tiếng Anh của Tiến sĩ Hisao Inagaki (Đạo Viên Cứu Hùng), phát biểu tại trường đại học Leiden - Hà Lan, ngày 7.4.1992

Xuất bản : Học hội văn hóa Phật giáo quốc tế (International Association of Buddhist culture)

Quý độc giả có thể tham khảo thêm tư liệu này tại hai trang web :

<http://www.nembutsu.info/>

<http://www.ne.jp/asahi/pureland-buddhism/amida-net/>

---o0o---

HẾT